

**Biểu số 2: BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH  
NĂM 2023**

**I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH**

- Tiếp tục xây dựng và phát triển Tập đoàn Bưu chính Viễn thông thành Tập đoàn kinh tế nhà nước mạnh, năng động, hiệu quả. Từng bước thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp viễn thông sang doanh nghiệp số.

- Xây dựng hạ tầng mạng lưới viễn thông công nghệ thông tin của VNPT với năng lực lớn, hiện đại, thông minh, đồng bộ, an toàn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế, góp phần đưa VNPT thành doanh nghiệp có thị phần doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông hàng đầu Việt Nam. Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, tích hợp dịch vụ với công nghệ mới, xây dựng nền tảng để cung cấp dịch vụ số; duy trì tăng trưởng dịch vụ băng rộng; triển khai công nghệ 5G trong dịch vụ di động khi được cấp phép tần số; định hướng kiến trúc và giải pháp internet vạn vật của Tập đoàn VNPT; tập trung phát triển các dịch vụ tài chính số nhằm đem lại tiện ích cho khách hàng và tăng nguồn thu, bù đắp một phần cho sự sụt giảm doanh thu của các dịch vụ viễn thông truyền thống và các giải pháp nhằm duy trì và phát triển thị phần.

- Tập trung phát triển thị trường số cho khách hàng Chính phủ, các bộ ban ngành, ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng, doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua cung cấp dịch vụ kết nối và ứng dụng công nghệ thông tin chất lượng cao.

- Tập trung phát triển hệ sinh thái sản phẩm Data, dịch vụ số, sản phẩm dịch vụ truyền hình theo hướng tăng trải nghiệm và đa dạng hóa hình thức cung cấp dịch vụ. Xây dựng các sản phẩm trọng điểm có tính năng linh hoạt, ưu việt, đặc biệt là nội dung số nhằm thu hút khách hàng mới, khai thác tối đa hiệu quả kinh doanh trên tập khách hàng hiện hữu.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Tập đoàn. Đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực, phẩm chất đạo đức, phong cách làm việc hiện đại, chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và phù hợp với xu hướng chuyển đổi số.

- Tập trung đầu tư, tối ưu để tăng cường vùng phủ, chất lượng mạng di động; nâng cao tốc độ, trải nghiệm mạng di động 4G cho khách hàng. Phát triển mạng 5G trên cơ sở lựa chọn tỉnh/thành phố theo hướng tối ưu hiệu quả đầu tư.

- Triển khai các biện pháp quản lý chặt chẽ: các khoản đầu tư tài chính dài hạn của

Tập đoàn, các dự án đầu tư xây dựng, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, các chương trình khuyến mại, các vật tư thu hồi, bảo đảm hiệu quả, đúng quy định.

- Tăng cường tối ưu chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực vốn doanh nghiệp, phấn đấu hoàn thành mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

- Tập trung hoàn thiện Chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn 2035; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025, Đề án tái cơ cấu Tập đoàn giai đoạn 2021-2025 của Tập đoàn phù hợp với tình hình mới, tiếp tục khẳng định vai trò và vị thế của VNPT là Tập đoàn kinh tế nhà nước vững mạnh, hiệu quả và đóng góp tích cực hơn nữa vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

## **II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023**

### **1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh <sup>1</sup> :**

- Doanh thu Công ty mẹ: 40.310 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ: 2.788 tỷ đồng;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ: 4,03%;
- Nộp ngân sách Công ty mẹ: 2.650 tỷ đồng;
- Không có nợ phải trả quá hạn và có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1.
- Kế hoạch vốn đầu tư của Công ty mẹ tối đa không quá 11.000 tỷ đồng.

---

<sup>1</sup> Doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu Công ty mẹ:

- (1) Chưa tính đến yếu tố khách quan phát sinh theo quy định hiện hành của nhà nước (chính sách đấu giá băng tần, chính sách nộp phí viễn thông công ích...);
- (2) Đã tính đến yếu tố từ 01/01/2023, VNPT chuyển đổi phương pháp ghi nhận doanh thu đối với thẻ viễn thông trả trước từ phương pháp ghi nhận doanh thu tại thời điểm thu tiền bán thẻ trả trước sang phương pháp ghi nhận doanh thu theo dung lượng thực tế sử dụng theo qui định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, công văn số 7370/BTC-QLKT ngày 18/6/2020, công văn số 686/BTC-QLKT ngày 19/1/2022, và công văn số 11643/BC-QLKT ngày 10/11/2022 của Bộ Tài chính quy định “không tiếp tục ghi nhận doanh thu đối với phần giá trị dịch vụ viễn thông khách hàng thực tế sử dụng trong kỳ nhưng đã được ghi nhận doanh thu trước thời điểm chuyển đổi để tránh trùng lặp”. Theo đó:
  - (i) Doanh thu: Giá trị Doanh thu công ty mẹ trước điều chỉnh điều chỉnh là 42.137 tỷ đồng. Sau điều chỉnh (điều chỉnh giảm giá trị doanh thu đã được ghi nhận trước 01/01/2023 là 1.827 tỷ đồng nhưng khách hàng chưa sử dụng dịch vụ) là 40.310 tỷ đồng.
  - (ii) Lợi nhuận sau thuế: Giá trị lợi nhuận sau thuế trước điều chỉnh là 4.250 tỷ đồng, sau điều chỉnh là 2.788 tỷ đồng.
  - (iii) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: Trước điều chỉnh là 6,14%, sau điều chỉnh là 4,03%.
  - (iiii) Nộp ngân sách: Trước điều chỉnh là 4.131 tỷ đồng, sau điều chỉnh là 2.650 tỷ đồng...

**BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

<b>TT</b>	<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Chỉ tiêu kế hoạch</b>
1	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích <i>(nếu có)</i>		
2	Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn	Tỷ đồng	56.664
	Trong đó doanh thu Công ty mẹ	Tỷ đồng	40.310
3	Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ	Tỷ đồng	3.485
4	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	Tỷ đồng	2.788
5	Nợ ngân sách Công ty mẹ	Tỷ đồng	2.650
6	Tổng vốn đầu tư Công ty mẹ	Tỷ đồng	11.000

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp trong năm: Phụ lục Danh mục các dự án đầu tư thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2023 đính kèm.

**PHỤ LỤC - DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN  
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư hoặc được ủy quyền chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (bao gồm thuế VAT)	Nguồn vốn đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>17.851.751</b>	
<b>DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM A</b>			<b>2.796.088</b>	
<b>Mục A</b>	<b>Nhóm A - DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM A CHƯA HOÀN THÀNH CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2023 ĐỂ THỰC HIỆN TIẾP</b>		2.796.088	
1	Trung tâm giao dịch và điều hành Viễn thông Quốc Gia tại lô đất A3, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	VNPT Net	2.796.088	Khấu hao TSCĐ
<b>DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM B</b>			<b>15.055.663</b>	
<b>Mục B.1</b>	<b>Nhóm B - DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM B ĐÃ HOÀN THÀNH CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2023 ĐỂ THỰC HIỆN THANH QUYẾT TOÁN</b>		<b>3.011.371</b>	
1	Tuyến cáp quang quốc lộ 1A đoạn Vinh - Đà Nẵng	VNPT Net	174.831	Khấu hao TSCĐ
2	Tuyến cáp quang Quảng Ngãi - Quy Nhơn - Tuy Hòa - Nha Trang	VNPT Net	95.690	Khấu hao TSCĐ
3	Mở rộng năng lực mạng MAN-E vùng 16 tỉnh, thành phố năm 2021	VNPT Net	266.345	Khấu hao TSCĐ
4	Mở rộng mạng vô tuyến khu vực TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Nam Bộ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa mạng Vinaphone giai đoạn 2021-2022	VNPT Net	768.054	Khấu hao TSCĐ
5	Mở rộng mạng vô tuyến khu vực Tp. Hà Nội, các tỉnh biên giới và Nam Bộ mạng Vinaphone giai đoạn 2021-2022	VNPT Net	817.918	Khấu hao TSCĐ
6	Nâng cấp và Mở rộng mạng vô tuyến khu vực 18 tỉnh miền Bắc mạng Vinaphone giai đoạn 2021-2022	VNPT Net	375.520	Khấu hao TSCĐ
7	Nâng cấp và Mở rộng mạng vô tuyến khu vực 07 Tỉnh Miền Trung mạng Vinaphone giai đoạn 2021-2022	VNPT Net	108.742	Khấu hao TSCĐ
8	Mở rộng năng lực mạng MANE cho các tỉnh Bắc Ninh, Hà Nam, Ninh Bình, Vĩnh Phúc	VNPT Net	146.685	Khấu hao TSCĐ
9	Trang bị Anten wideband các loại và phụ kiện phục vụ các dự án mở rộng mạng vô tuyến Vinaphone giai đoạn 2021-2022	VNPT Net	98.090	Khấu hao TSCĐ

Chỉ tiêu	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư hoặc được ủy quyền chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (bao gồm thuế VAT)	Nguồn vốn đầu tư
10	Trung tâm điều hành Viễn thông-Công nghệ thông tin Viễn Thông Long An tại phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An	VNPT Long An	85.116	Khấu hao TSCĐ
11	Xây dựng Nhà làm việc và điều hành Viễn thông Hưng Yên	VNPT Hưng Yên	74.380	Khấu hao TSCĐ
<b>Mục B.2</b>	<b>Nhóm B - DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM B CHƯA HOÀN THÀNH CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2023 ĐỂ THỰC HIỆN TIẾP</b>		<b>5.997.724</b>	
1	Mở rộng hệ thống truyền dẫn tuyến trục Backbone II năm 2019	VNPT Net	88.117	Khấu hao TSCĐ
2	Tham gia xây dựng hệ thống cáp biển quốc tế SJC-2	VNPT Net	1.132.827	Khấu hao TSCĐ
3	Xây dựng Tòa nhà Viễn thông/IDC-VNPT	VNPT Net	550.000	Khấu hao TSCĐ
4	Xây dựng 2 tuyến cáp điện ngầm 22KVA tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc - Hà Nội	VNPT Net	82.865	Khấu hao TSCĐ
5	Mở rộng Trung tâm dữ liệu và dịch vụ băng rộng tại khu chế xuất Tân Thuận, Tp Hồ Chí Minh	VNPT - Net	174.252	Khấu hao TSCĐ
6	Xây dựng mở rộng Trung tâm dữ liệu và dịch vụ băng rộng tại khu công nghiệp Nam Thăng Long, Hà Nội	VNPT - Net	174.652	Khấu hao TSCĐ
7	Đầu tư hệ thống VNPT Data Lake	VNPT Media	92.343	Khấu hao TSCĐ
8	Nâng cao năng lực hệ thống EPC	VNPT Net	207.856	Khấu hao TSCĐ
9	Nâng cao năng lực hệ thống IMS	VNPT Net	108.496	Khấu hao TSCĐ
10	Trang bị thiết bị hệ thống Tổng đài Transit Gateway	VNPT Net	114.247	Khấu hao TSCĐ
11	Mở rộng VN2 PE BNG ASBR Router	VNPT Net	238.178	Khấu hao TSCĐ
12	Nâng cấp và mở rộng mạng vô tuyến khu vực 7 tỉnh miền Trung mạng Vinaphone giai đoạn 2022 - 2023	VNPT Net	110.163	Khấu hao TSCĐ
13	Nâng cấp và mở rộng mạng vô tuyến khu vực Hà Nội, các tỉnh biên giới và Nam Bộ mạng Vinaphone giai đoạn 2022 - 2023	VNPT Net	541.623	Khấu hao TSCĐ
14	Nâng cấp và mở rộng mạng vô tuyến khu vực 18 tỉnh miền Bắc mạng Vinaphone giai đoạn 2022 - 2023	VNPT Net	332.413	Khấu hao TSCĐ

Chỉ tiêu	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư hoặc được ủy quyền chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (bao gồm thuế VAT)	Nguồn vốn đầu tư
15	Nâng cấp và mở rộng mạng vô tuyến khu vực thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Nam Bộ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa mạng Vinaphone giai đoạn 2022 - 2023	VNPT Net	510.776	Khấu hao TSCĐ
16	Mở rộng Hệ thống truyền dẫn Backbone	VNPT Net	474.736	Khấu hao TSCĐ
17	Xây dựng nhà làm việc Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh (Trung tâm lắp đặt thiết bị (node mạng) và điều hành Viễn thông và CNTT của VNPT Tp.HCM)	VNPT HCM	783.501	Khấu hao TSCĐ
18	Xây dựng vào khu đất 04 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Giai đoạn 1)	VNPT TTH	63.017	Khấu hao TSCĐ
19	Trụ sở làm việc và điều hành Viễn thông Hà Nam (Giai đoạn 2)	VNPT Hà Nam	150.804	Khấu hao TSCĐ
20	Trung tâm điều hành và tích hợp dữ liệu - VNPT Thái Bình	VNPT Thái Bình	66.858	Khấu hao TSCĐ
<b>Mục B.3</b>	<b>Nhóm B - DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM B KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023</b>		<b>1.407.253</b>	
1	Nâng cao năng lực hệ thống OCS	VNPT Net	218.666	Khấu hao TSCĐ
2	Trang bị hệ thống phân tích dữ liệu di động (DPI) giai đoạn 2	VNPT Media	112.860	Khấu hao TSCĐ
3	Mở rộng hệ thống truyền dẫn phía Nam năm 2022	VNPT Net	154.613	Khấu hao TSCĐ
4	Mở rộng hệ thống truyền dẫn Tây Bắc năm 2022	VNPT Net	82.927	Khấu hao TSCĐ
5	Mở rộng hệ thống truyền dẫn miền Trung năm 2022	VNPT Net	177.656	Khấu hao TSCĐ
6	Mở rộng mạng VN2 PE/ASBR/NIX năm 2022	VNPT Net	168.013	Khấu hao TSCĐ
7	Trung tâm Giao dịch và Khai thác dịch vụ Tin học - Viễn thông tại 297 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội	VNPT Hà Nội	492.518	Khấu hao TSCĐ
<b>Mục B.4</b>	<b>Nhóm B - DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN NHÓM B KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023</b>		<b>4.639.315</b>	
1	Mở rộng 107 rack tại IDC An Đồn	VNPT-IT	55.000	Khấu hao TSCĐ

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Tên dự án đầu tư</b>	<b>Chủ đầu tư hoặc được ủy quyền chủ đầu tư</b>	<b>Tổng mức đầu tư (bao gồm thuế VAT)</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư</b>
2	Mua sắm hệ thống thiết bị vô tuyến để mở rộng và nâng cấp vùng phủ sóng khu vực Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh Nam Bộ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa mạng Vinaphone giai đoạn 2023-2024	VNPT Net	1.131.685	Khấu hao TSCĐ
3	Mua sắm hệ thống thiết bị vô tuyến để mở rộng và nâng cấp vùng phủ sóng khu vực Tp. Hà Nội, các tỉnh biên giới và Nam bộ mạng Vinaphone giai đoạn 2023-2024	VNPT Net	794.020	Khấu hao TSCĐ
4	Mua sắm hệ thống thiết bị vô tuyến để mở rộng và nâng cấp vùng phủ sóng khu vực 18 tỉnh miền Bắc mạng Vinaphone giai đoạn 2023-2024	VNPT Net	851.194	Khấu hao TSCĐ
5	Mua sắm hệ thống thiết bị vô tuyến để mở rộng và nâng cấp vùng phủ sóng khu vực 7 tỉnh miền Trung mạng Vinaphone giai đoạn 2023-2024	VNPT Net	213.103	Khấu hao TSCĐ
6	Mở rộng dung lượng hệ thống IMS	VNPT Net	148.146	Khấu hao TSCĐ
7	Mở rộng dung lượng hệ thống PCRF	VNPT Net	90.545	Khấu hao TSCĐ
8	Nâng cao năng lực hệ thống HLR/HSS	VNPT Net	163.020	Khấu hao TSCĐ
9	Nâng cao năng lực hệ thống EPC	VNPT Net	160.437	Khấu hao TSCĐ
10	Mở rộng mạng VN2 PE/ASBR/NIX năm 2023	VNPT Net	185.859	Khấu hao TSCĐ
11	Mở rộng mạng VN2 BRAS/BNG router năm 2023	VNPT Net	89.669	Khấu hao TSCĐ
12	Mở rộng mạng MANE tại vùng 16 tỉnh	VNPT Net	349.648	Khấu hao TSCĐ
13	Mở rộng mạng MANE tại vùng 19 tỉnh	VNPT Net	256.000	Khấu hao TSCĐ
14	Các Dự án đầu tư cho 5G (Thiết bị Vô tuyến, mạng lõi,...) khi được cấp phép, tần số mới	VNPT Net	Đang x/d TMĐT	Khấu hao TSCĐ
15	Trung tâm khai thác và phát triển các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin - VNPT Nghệ An	VNPT Nghệ An	150.989	Khấu hao TSCĐ
16	Một số dự án đầu tư kiến trúc nhóm B mới lập, trình duyệt CTĐT trong năm 2023	VNPT#	Đang x/d TMĐT	Khấu hao TSCĐ